# IAS 34

# Chuẩn mực kế toán Quốc tế số 34

# Báo cáo tài chính giữa niên độ

**Mục đích**

Mục đích của Chuẩn mực này là quy định nội dung tối thiểu của một báo cáo tài chính giữa niên độ, và quy định các nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị áp dụng trong báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ hay tóm lược. Báo cáo tài chính giữa niên độ kịp thời và đáng tin cậy giúp các nhà đầu tư, các chủ nợ, và các đối tượng sử dụng khác hiểu rõ hơn về khả năng của đơn vị trong việc tạo ra thu nhập và các luồng tiền, và về tình hình tài chính và khả năng thanh khoản của đơn vị.

**Phạm vi**

1. Chuẩn mực này không quy định bắt buộc về đối tượng cần phải công bố báo cáo tài chính giữa niên độ, về tần suất công bố, và về thời hạn công bố loại báo cáo này tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tuy nhiên, chính phủ, cơ quan quản lý chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán, và các hiệp hội kế toán thường yêu cầu các đơn vị có chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn giao dịch trên thị trường phải công bố báo cáo tài chính giữa niên độ. Chuẩn mực này phải được áp dụng nếu một đơn vị được yêu cầu hoặc quyết định công bố báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRSs). Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế[[1]](#footnote-2) khuyến khích các công ty đại chúng cung cấp các báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các nguyên tắc về ghi nhận, xác định giá trị, trình bày quy định tại Chuẩn mực này. Cụ thể, các công ty đại chúng được khuyến khích:
2. Lập báo cáo tài chính giữa niên độ ít nhất tại thời điểm kết thúc nửa đầu năm tài chính; và
3. Công bố báo cáo tài chính giữa niên độ không chậm hơn 60 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.
4. Việc đánh giá mức độ tuân thủ đối với các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế của báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ là độc lập với nhau. Việc một đơn vị không công bố hoặc công bố báo cáo tài chính giữa niên độ nhưng không tuân thủ với Chuẩn mực này không làm ảnh hưởng đến mức độ tuân thủ của báo cáo tài chính năm đối với các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế nếu các báo cáo tài chính năm này có tuân thủ.
5. Báo cáo tài chính giữa niên độ của một đơn vị được tuyên bố là tuân thủ với các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế chỉ khi nó tuân thủ tất cả các yêu cầu quy định tại Chuẩn mực này. Đoạn 19 yêu cầu công bố một số thông tin nhất định về vấn đề này.

**Các định nghĩa**

1. **Trong Chuẩn mực này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:**

***Kỳ báo cáo giữa niên độ*: Kỳ báo cáo tài chính ngắn hơn một năm tài chính.**

***Báo cáo tài chính giữa niên độ:* là một bộ các báo cáo tài chính dạng đầy đủ (theo quy định tại IAS 1 *“Trình bày báo cáo tài chính”* (được sửa đổi năm 2007) hoặc một bộ các báo cáo tài chính dạng tóm lược (theo quy định tại Chuẩn mực này) cho một kỳ kế toán giữa niên độ.**

**Nội dung của báo cáo tài chính giữa niên độ**

1. IAS 1 định nghĩa một bộ báo cáo tài chính dạng đầy đủ bao gồm:
2. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
3. Báo cáo lãi hoặc lỗ và thu nhập toàn diện khác cho kỳ kế toán;
4. Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán;
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính, bao gồm tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thông tin giải thích khác;

(ea) Thông tin so sánh của kỳ kế toán trước theo quy định tại đoạn 38 và 38A của IAS 1; và

1. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày bắt đầu kỳ kế toán trước liền kề trong trường hợp đơn vị áp dụng hồi tố chính sách kế toán hoặc điều chỉnh hồi tố các khoản mục trong báo cáo tài chính, hoặc khi đơn vị tái phân loại lại các khoản mục trong báo cáo tài chính theo quy định tại đoạn 40A-40D của IAS 1.

Đơn vị có thể sử dụng các tiêu đề báo cáo khác với những tiêu đề trong Chuẩn mực này. Ví dụ, đơn vị có thể sử dụng tiêu đề “Báo cáo thu nhập toàn diện” thay vì “Báo cáo lãi hoặc lỗ và thu nhập toàn diện khác”.

1. Vì tính kịp thời và cân nhắc chi phí cũng như việc trùng lặp thông tin đã được công bố, đơn vị có thể được yêu cầu hoặc lựa chọn cung cấp ít thông tin hơn trong báo cáo tài chính giữa niên độ so với báo cáo tài chính năm. Chuẩn mực này quy định một bộ báo cáo tài chính giữa niên độ tối thiểu bao gồm các báo cáo tài chính dạng tóm lược và các thuyết minh được chọn lọc. Mục đích của báo cáo tài chính giữa niên độ là nhằm cập nhật các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính năm gần nhất. Vì vậy, báo cáo tài chính giữa niên độ chú trọng đến việc trình bày các hoạt động, sự kiện, và tình huống mới và không lặp lại các thông tin đã được báo cáo trước đó.
2. Chuẩn mực này không ngăn cấm hay ngăn cản một đơn vị công bố một bộ các báo cáo tài chính dạng đầy đủ (theo quy định tại IAS 1) trong kỳ báo cáo giữa niên độ thay vì một bộ báo cáo tài chính dạng tóm lược và các thuyết minh được chọn lọc. Chuẩn mực này cũng không ngăn cấm hay ngăn cản một đơn vị cung cấp bổ sung thêm trong các báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược những thông tin khác ngoài các khoản mục tối thiểu hoặc các thuyết minh được chọn lọc như được quy định tại Chuẩn mực này. Hướng dẫn về ghi nhận và xác định giá trị tại Chuẩn mực này cũng được áp dụng đối với các báo cáo tài chính dạng đầy đủ giữa niên độ và các báo cáo này cần phải bao gồm tất cả các thuyết minh quy định tại Chuẩn mực này (cụ thể là các thuyết minh quy định tại đoạn 16A) cũng như các thuyết minh quy định tại các chuẩn mực khác.

**Nội dung tối thiểu của báo cáo tài chính giữa niên độ**

1. **Báo cáo tài chính giữa niên độ tối thiểu bao gồm:**
	1. **Báo cáo tình hình tài chính tóm lược;**
	2. **Báo cáo lãi hoặc lỗ tóm lược và báo cáo thu nhập toàn diện khác;**
	3. **Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu tóm lược;**
	4. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm lược; và**
	5. **Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.**

**8A. Nếu một đơn vị trình bày các khoản mục lãi hoặc lỗ trong một báo cáo riêng biệt như mô tả tại đoạn 10A của IAS 1 (được sửa đổi năm 2001), thì đơn vị này cần trình bày thông tin tóm lược giữa niên độ của báo cáo đó.**

**Hình thức và nội dung của các báo cáo tài chính giữa niên độ**

1. **Nếu một đơn vị lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ, thì hình thức và nội dung của các báo cáo này phải tuân thủ các quy định của IAS 1 đối với một bộ báo cáo tài chính đầy đủ.**
2. **Nếu một đơn vị lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược, thì các báo cáo tài chính dạng tóm lược này tối thiểu phải bao gồm các đề mục và các số cộng chi tiết đã được trình bày trong các báo cáo tài chính năm gần nhất và các thuyết minh được chọn lọc theo yêu cầu của Chuẩn mực này. Một số khoản mục hoặc thuyết minh phải được công bố thêm trong báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược nếu việc bỏ qua những thông tin đó có thể dẫn đến các báo cáo tài chính này bị hiểu sai lệch.**
3. **Trong Báo cáo lãi hoặc lỗ của kỳ kế toán giữa niên độ, đơn vị phải công bố chỉ tiêu lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ kế toán giữa niên độ nếu đơn vị thuộc đối tượng áp dụng của IAS 33 *Lãi cơ bản trên cổ phiếu[[2]](#footnote-3)*.**

**11A. Nếu một đơn vị trình bày các chỉ tiêu về lãi hoặc lỗ trong một báo cáo riêng như mô tả tại đoạn 10A của IAS 1, thì đơn vị đó phải trình bày chỉ tiêu lãi cơ bản và suy giảm trên một cổ phiếu trên báo cáo đó.**

1. IAS 1 (được sửa đổi năm 2007) hướng dẫn cấu trúc của báo cáo tài chính. *Hướng dẫn áp dụng IAS 1* giải thích phương thức trình bày Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo thu nhập toàn diện và Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu.
2. [Đã bị bỏ]
3. Nếu báo cáo tài chính năm gần nhất của đơn vị là báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính giữa niên độ cũng cần phải được lập trên cơ sở hợp nhất.Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ không nhất quán và không so sánh được với báo cáo tài chính hợp nhất của năm gần nhất. Chuẩn mực này không bắt buộc hay ngăn cấm đơn vị công bố báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty mẹ trong báo cáo tài chính giữa niên độ nếu báo cáo tài chính năm của một đơn vị bao gồm cả báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất.

**Các sự kiện và giao dịch trọng yếu**

1. Một đơn vị cần phải công bố trong báo cáo tài chính giữa niên độ các thuyết minh về các sự kiện và giao dịch quan trọng để hiểu được những thay đổi về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị kể từ ngày lập báo cáo tài chính năm gần nhất. Công bố về những sự kiện và giao dịch này sẽ cập nhật những thông tin liên quan đã được trình bày trong báo cáo tài chính năm gần nhất.

15A. Người sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ có thể tiếp cận được báo cáo tài chính năm gần nhất của đơn vị. Vì vậy, bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ không cần phải cung cấp những thông tin tương đối không quan trọng đã được trình bày trong báo cáo tài chính năm gần nhất.

15B. Những sự kiện và giao dịch sau có thể được yêu cầu trình bày nếu trọng yếu:

1. Ghi giảm giá trị hàng tồn kho theo giá trị thuần có thể thực hiện được và hoàn nhập giá trị ghi giảm đó;
2. Ghi nhận lỗ từ suy giảm giá trị tài sản tài chính, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các tài sản phát sinh từ hợp đồng với khách hàng, hoặc các tài sản khác, và hoàn nhập các khoản lỗ do suy giảm giá trị đã ghi nhận;
3. Hoàn nhập chi phí dự phòng cho việc tái cấu trúc;
4. Mua và nhượng bán hoặc thanh lý bán tài sản cố định;
5. Cam kết mua tài sản cố định;
6. Dàn xếp các vụ tranh chấp, kiện tụng;
7. Sửa chữa các sai sót kỳ trước;
8. Những thay đổi trong hoạt động kinh doanh và tình hình kinh tế làm ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của đơn vị, bất kể các tài sản hay nợ phải trả đó được ghi nhận theo giá trị hợp lý hay giá trị phân bổ;
9. Các khoản vay không trả được hoặc vi phạm các cam kết cho vay mà chưa được khắc phục trước hoặc vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
10. Các giao dịch với các bên liên quan;
11. Dịch chuyển giữa các cấp của hệ thống phân cấp giá trị hợp lý được sử dụng để xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính;
12. Các thay đổi về phân loại tài sản tài chính do thay đổi mục đích hoặc sử dụng các tài sản đó; và
13. Các thay đổi về nợ hoặc tài sản tiềm tàng.

15C  Các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế riêng lẻ có hướng dẫn về yêu cầu công bố thông tin đối với nhiều mục được liệt kê trong đoạn 15B. Khi một sự kiện hoặc giao dịch được xem là trọng yếu trong việc đánh giá những thay đổi về tình hình tài chính hoặc kết quả kinh doanh của một đơn vị kể từ kỳ kế toán năm trước, báo cáo tài chính giữa niên độ cần phải giải thích và cập nhật các thông tin có liên quan đã bao gồm trong báo cáo tài chính năm trước.

1. [Đã bị bỏ]

**Các thuyết minh khác**

16A **Ngoài việc trình bày các sự kiện và các giao dịch trọng yếu theo hướng dẫn tại đoạn 15-15C, đơn vị cần phải trình bày các thông tin sau trong bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, nếu các thông tin này mang tính trọng yếu và chưa được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ nào. Các thuyết minh sau đây sẽ được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc được kết hợp bởi tham chiếu chéo từ báo cáo tài chính giữa niên độ đến một số báo cáo khác (chẳng hạn như bình luận của quản lý hoặc báo cáo rủi ro) có sẵn cho những người sử dụng báo cáo tài chính về các khoản mục tương tự như trong báo cáo tài chính giữa niên độ và cùng thời gian. Nếu người dùng báo cáo tài chính không có quyền truy cập vào thông tin được kết hợp bởi tham chiếu chéo về các khoản mục này và tại đồng thời, thì báo cáo tài chính giữa niên độ được xem là chưa đầy đủ. Các thông tin này cần phải trình bày trên cơ sở lũy kế từ đầu niên độ đến ngày lập báo cáo:**

1. **Tuyên bố về việc các chính sách kế toán và phương pháp tính toán áp dụng trong báo cáo tài chính giữa niên độ là giống với báo cáo tài chính năm gần nhất. Trường hợp có thay đổi thì phải mô tả bản chất và ảnh hưởng của những thay đổi đó.**
2. **Giải thích về tính thời vụ hoặc tính chu kỳ của các hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán giữa niên độ.**
3. **Bản chất và giá trị của các khoản mục ảnh hưởng đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, thu nhập thuần, hoặc các luồng tiền được xem là không bình thường do bản chất, quy mô hoặc ảnh hưởng của chúng.**
4. **Bản chất và giá trị của những thay đổi trong các ước tính kế toán đã được trình bày trong báo cáo giữa niên độ trước của năm tài chính hiện tại hoặc những thay đổi trong các ước tính kế toán đã được trình bày trong các năm trước.**
5. **Phát hành, mua lại và hoàn trả các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn;**
6. **Cổ tức đã trả (tổng số hay trên mỗi cổ phần) được tách riêng cho cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu khác;**
7. **Thông tin theo bộ phận sau (công bố thông tin theo bộ phận được yêu cầu trong báo cáo tài chính giữa niên độ nếu IFRS 8 *Thông tin bộ phận* yêu cầu đơn vị phải công bố thông tin theo bộ phận trong báo cáo tài chính năm):**
	1. **doanh thu từ khách hàng bên ngoài, nếu được người có thẩm quyền ra quyết định sử dụng trong việc đánh giá lãi, lỗ của từng bộ phận hoặc soát xét hoặc được báo cáo thường xuyên cho người có thẩm quyền ra quyết định điều hành.**
	2. **doanh thu giữa các bộ phận, nếu được người có thẩm quyền ra quyết định sử dụng trong việc đánh giá lãi, lỗ của từng bộ phận hoặc soát xét hoặc được báo cáo thường xuyên cho người có thẩm quyền ra quyết định điều hành.**
	3. **Giá trị doanh thu và kết quả bộ phận.**
	4. **Giá trị tổng tài sản và nợ phải trả của từng bộ phận nếu được báo cáo thường xuyên cho người có thẩm quyền ra quyết định điều hành và nếu có thay đổi trọng yếu so với giá trị đã được trình bày trong báo cáo tài chính năm gần nhất cho bộ phận cần pharai báo cáo.**
	5. **Mô tả sự khác biệt về cơ sở phân chia các bộ phận hoặc cơ sở đánh giá lãi, lỗ của các bộ phận so với báo cáo tài chính năm gần nhất.**
	6. **đối chiếu tổng số lãi hoặc lỗ của các bộ phận với lãi hoặc lỗ trước chi phí thuế thu nhập đơn vị (thu nhập thuế thu nhập đơn vị) và lãi hoặc lỗ từ hoạt động bị chấm dứt. Tuy nhiên, nếu đơn vị phân bổ một số khoản mục báo cáo cho các bộ phận, chẳng hạn như chi phí thuế thu nhập đơn vị (thu nhập thuế thu nhập đơn vị), đơn vị có thể đối chiếu tổng số lãi hoặc lỗ của các bộ phận với lãi hoặc lỗ của đơn vị sau khi tính đến các chỉ tiêu phân bổ này. Những khoản mục đối chiếu trọng yếu sẽ được xác định và trình bày riêng.**
8. **Những sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ chưa được phản ánh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ đó;**
9. **Ảnh hưởng của những thay đổi trong cấu trúc của đơn vị trong kỳ kế toán giữa niên độ, bao gồm các giao dịch hợp nhất kinh doanh, mua hoặc thanh lý công ty con và đầu tư dài hạn, tái cấu trúc và các hoạt động bị chấm dứt. Trong trường hợp hợp nhất kinh doanh, đơn vị cần công bố thông tin theo quy định tại IFRS 3 *Hợp nhất kinh doanh*.**
10. **Đối với các công cụ tài chính, công bố thông tin về giá trị hợp lý theo yêu cầu tại các đoạn 91-93(h), 94-96, 98 và 99 của IFRS 13 *Giá trị hợp lý* và các đoạn 25, 26, và 28-30 của IFRS 7 *Công cụ tài chính: Thuyết minh*.**
11. **Đối với các đơn vị trở thành, hoặc không còn là, đơn vị đầu tư theo định nghĩa tại IFRS 10 *Báo cáo tài chính hợp nhất*, công bố thông tin theo yêu cầu của đoạn 9B của IFRS 12 *Công bố thông tin về lợi ích trong các đơn vị khác*.**

17-18 [Đã bị bỏ]

**Trình bày về việc tuân thủ các Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế**

1. **Đơn vị phải nêu rõ báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực này. Báo cáo tài chính giữa niên độ chỉ được coi là phù hợp với các chuẩn mực báo cáo tài chính nếu tuân thủ tất cả các quy định của các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.**

**Các kỳ kế toán cần lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

**20    Báo cáo giữa niên độ phải bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ (dạng đầy đủ hoặc tóm lược) cho các kỳ như sau:**

1. **Báo cáo tình hình tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ hiện tại và số liệu so sánh tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm trước liền kề.**
2. **Báo cáo lãi hoặc lỗ và thu nhập toàn diện khác cho kỳ kế toán giữa niên độ hiện tại và số lũy kế của năm tài chính hiện tại đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, với số liệu so sánh là báo cáo lãi hoặc lỗ và thu nhập toàn diện khác cho kỳ kế toán giữa niên độ được so sánh (số hiện tại và lũy kế từ đầu năm) của cùng kỳ kế toán năm trước liền kề. Theo IAS 1 (được sửa đổi năm 2011), trong báo cáo giữa niên độ cho mỗi kỳ kế toán, thu nhập toàn diện khác có thể được trình bày cùng với báo cáo lãi hoặc lỗ hoặc trình bày riêng.**
3. **Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu lũy kế của năm tài chính hiện tại đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, cùng với số liệu so sánh tương ứng của cùng kỳ kế toán năm trước liền kề.**
4. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ lũy kế của năm tài chính hiện tại đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, cùng với số liệu so sánh tương ứng của cùng kỳ kế toán năm trước liền kề.**

21 Đối với đơn vị có hoạt động mang tính thời vụ cao, thông tin tài chính trong mười hai tháng tính đến ngày kết thúc kỳ báo cáo giữa niên độ và số liệu so sánh là thông tin tài chính trong mười hai tháng của cùng kỳ kế toán năm trước liền kề có thể được sử dụng. Theo đó, các đơn vị này được khuyến khích cân nhắc trình bày thêm thông tin đó ngoài việc công bố thông tin như mô tả tại các đoạn trước.

22    Phần A của ví dụ minh họa đi kèm Chuẩn mực này minh họa kỳ báo cáo của một đơn vị được yêu cầu báo cáo theo bán niên và một đơn vị được yêu cầu báo cáo theo quý.

**Tính trọng yếu**

**23    Khi quyết định phương pháp ghi nhận, xác định giá trị, phân loại, hoặc công bố một khoản mục trong báo cáo tài chính giữa niên độ, tính trọng yếu phải được đánh giá dựa trên số liệu tài chính của kỳ báo cáo giữa niên độ. Khi đánh giá tính trọng yếu, phải thừa nhận rằng việc xác định giá các chỉ tiêu giữa niên độ có thể dựa vào ước tính ở mức độ lớn hơn so với việc tính toán các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính năm.**

24    IAS 1 có định nghĩa thông tin trọng yếu và yêu cầu trình bày riêng những khoản mục trọng yếu, bao gồm (ví dụ) hoạt động bị chấm dứt, và IAS 8 *Chính sách kế toán, Các thay đổi về ước tính kế toán và Sai sót* yêu cầu phải thuyết minh những thay đổi về ước tính kế toán, các sai sót, và những thay đổi về chính sách kế toán. Hai chuẩn mực này không bao gồm hướng dẫn về xác định mức độ trọng yếu.

25 Mặc dù việc xét đoán luôn được yêu cầu khi đánh giá tính trọng yếu, các quyết định về ghi nhận và công bố thông tin trong chuẩn mực này căn cứ vào chính dữ liệu của kỳ kế toán giữa niên độ nhằm hiểu được các số liệu giữa niên độ. Do đó, ví dụ như, những yếu tố bất thường, những thay đổi trong chính sách kế toán hay ước tính kế toán, và những sai sót được ghi nhận và trình bày trên cơ sở tính trọng yếu của chúng so với các dữ liệu của kỳ kế toán giữa niên độ nhằm tránh các suy diễn sai lệch có thể gây ra do việc không công bố thông tin. Mục tiêu quan trọng nhất là đảm bảo cho báo cáo tài chính giữa niên độ chứa đựng đầy đủ các thông tin có liên quan để hiểu được tình hình tài chính và hoạt động của đơn vị trong kỳ kế toán giữa niên độ.

**Thuyết minh trong báo cáo tài chính năm**

**26    Nếu một giá trị ước tính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ bị thay đổi đáng kể trong kỳ kế toán giữa niên độ cuối cùng của năm tài chính nhưng báo cáo tài chính giữa niên độ riêng không được lập cho kỳ cuối cùng này thì bản chất và giá trị của sự thay đổi trong ước tính đó phải được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính năm đó.**

27    IAS 8 quy định phải trình bày bản chất và giá trị (nếu có thể) của một thay đổi trong ước tính kế toán mà có ảnh hưởng trọng yếu đối với kỳ kế toán hiện tại hoặc dự kiến sẽ có ảnh hưởng trọng yếu đến các kỳ kế toán kế tiếp. Đoạn 16A(d) của Chuẩn mực này yêu cầu phải trình bày các nội dung tương tự trong báo cáo tài chính giữa niên độ. Chẳng hạn những thay đổi trong ước tính kế toán được thực hiện trong kỳ kế toán giữa niên độ cuối cùng về khoản trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tái cấu trúc, hoặc lỗ do suy giảm giá trị tài sản đã được báo cáo trong kỳ kế toán giữa niên độ trước của năm tài chính. Việc công bố thông tin theo yêu cầu của đoạn trên đây nhất quán với các quy định của IAS 8 và nhằm thu hẹp phạm vi — chỉ liên quan đến thay đổi trong ước tính kế toán. Đơn vị báo cáo không cần trình bày thêm thông tin tài chính giữa niên độ trong báo cáo tài chính năm.

**Ghi nhận và xác định giá trị**

**Áp dụng chính sách kế toán nhất quán với chính sách kế toán trong báo cáo tài chính năm**

28    Đơn vị phải áp dụng chính sách kế toán để lập báo cáo tài chính giữa niên độ nhất quán với chính sách kế toán được áp dụng để lập báo cáo tài chính năm, ngoại trừ những thay đổi trong chính sách kế toán xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính năm gần nhất. Tuy nhiên, mức độ thường xuyên của việc lập báo cáo tài chính (hàng năm, 6 tháng 1 lần, hoặc hàng quý) không ảnh hưởng đến việc xác định kết quả cả năm. Để đạt được mục tiêu này, việc xác định giá trị cho mục đích lập báo cáo giữa niên độ phải được thực hiện trên cơ sở lũy kế từ đầu niên độ đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

29    Việc quy định một đơn vị phải áp dụng chính sách kế toán để lập báo cáo tài chính giữa niên độ nhất quán với chính sách kế toán để lập báo cáo tài chính năm có thể chứng tỏ rằng báo cáo tài chính giữa niên độ có tính độc lập với báo cáo tài chính năm. Tuy nhiên, việc thừa nhận mức độ thường xuyên của việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không ảnh hưởng đến việc xác định kết quả cả năm của đơn vị, đoạn 28 thừa nhận rằng kỳ báo cáo giữa niên độ là một phần của kỳ báo cáo cả năm. Việc xác định giá trị trên cơ sở luỹ kế từ ngày đầu niên độ đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ có thể làm cho phải thay đổi các ước tính kế toán đã được trình bày trong các báo cáo tài chính giữa niên độ trước của năm hiện tại. Nhưng những nguyên tắc ghi nhận tài sản, nợ phải trả, thu nhập và chi phí trong các kỳ kế toán giữa niên độ cần phải nhất quán với nguyên tắc ghi nhận được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm.

30     Quy định cụ thể:

1. nguyên tắc ghi nhận và xác định các khoản lỗ từ việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tái cấu trúc, hoặc suy giảm giá trị trong một kỳ kế toán giữa niên độ cũng giống như nguyên tắc đơn vị áp dụng trong trường hợp đơn vị chỉ lập báo cáo tài chính năm. Tuy nhiên, nếu các khoản mục này đã được ghi nhận và xác định giá trị trong kỳ kế toán giữa niên độ và cá ước tính này thay đổi trong kỳ kế toán giữa niên độ sau của năm hiện tại thì ước tính ban đầu phải được thay đổi trong kỳ kế toán giữa niên độ sau bằng cách hạch toán bổ sung một khoản lỗ hoặc hoàn nhập phần giá trị đã được ghi nhận trước đây;
2. khoản chi phí không thỏa mãn định nghĩa của một tài sản vào thời điểm cuối kỳ kế toán giữa niên độ sẽ không được hoãn lại trên báo cáo tình hình tài chính để chờ các thông tin trong tương lai nhằm khẳng định xem liệu chi phí này có đủ tiêu chuẩn ghi nhận là một tài sản hay không hoặc để san bằng các khoản lợi nhuận qua các kỳ kế toán giữa niên độ của năm tài chính; và
3. chi phí thuế thu nhập đơn vị được ghi nhận trong mỗi kỳ kế toán giữa niên độ được xác định trên cơ sở ước tính tốt nhât về thuế suất bình quân gia quyền dự kiến cho cả năm tài chính. Số thuế thu nhập đơn vị phải trong một kỳ kế toán giữa niên độ có thể phải được điều chỉnh trong kỳ kế toán giữa niên độ sau của cùng năm tài chính nếu có thay đổi trong ước tính về thuế suất thuế thu nhập đơn vị của năm đó.

31    Theo *Khung khái niệm chung để lập và trình bày báo cáo tài chính* (Khung khái niệm), ghi nhận là quá trình hợp thành trong báo cáo tình hình tài chính hoặc (các) báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh một khoản mục thỏa mãn định nghĩa của một trong số các yếu tố của báo cáo tài chính. Định nghĩa về tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí là cơ sở đẻ ghi nhận ở cả thời điểm kết thúc kỳ báo cáo tài chính năm và giữa niên độ.

32    Đối với các tài sản, cùng một cách thức kiểm tra về lợi ích kinh tế mang lại trong tương lai được áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cũng như vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các chi phí, theo bản chất của chúng, không phải là các yếu tố cấu thành tài sản vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm cũng sẽ không phải là các yếu tố cấu thành tài sản vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tương tự, một khoản nợ phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ phải thể hiện một nghĩa vụ hiện có tại ngày đó, giống như trường hợp một khoản nợ phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

33    Một trong những đặc điểm chủ yếu của thu nhập (doanh thu) và chi phí là các dòng vào và dòng ra của tài sản và nợ phải trả tương ứng đã thực sự xảy ra. Nếu đúng như vậy thì doanh thu và chi phí tương ứng được ghi nhận; ngược lại thì doanh thu và chi phí không được ghi nhận. *Khung khái* không cho phép ghi nhận những khoản mục không thỏa mãn định nghĩa về tài sản hoặc nợ phải trả trong báo cáo tình hình tài chính.

34    Để xác định giá trị tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí và các dòng tiền được phản ánh trong báo cáo tài chính, đơn vị chỉ phải lập báo cáo tài chính hàng năm có thể tính đến mọi thông tin mà đơn vị có được trong suốt niên độ. Việc xác định giá trị như vậy, về thực chất, được thực hiện trên cơ sở lũy kế từ đầu niên độ đến cuối niên độ.

35    Một đơn vị phải lập báo cáo tài chính bán niên thì sử dụng các thông tin có được từ đầu niên độ đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ hoặc ngay sau đó để xác định giá trị các khoản mục trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán sáu tháng đầu năm và các thông tin có được đến cuối niên độ hoặc ngay sau đó để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 12 tháng. Giá trị của các khoản mục được xác định cho kỳ kế toán 12 tháng sẽ phản ánh những thay đổi có thể có trong các ước tính kế toán đã được báo cáo cho kỳ kế toán sáu tháng đầu năm. Các số liệu đã báo cáo trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán sáu tháng đầu năm không cần phải điều chỉnh hồi tố. Tuy nhiên, đoạn 16A(d) và đoạn 26 yêu cầu tính chất và giá trị của bất kỳ thay đổi đáng kể nào trong các ước tính kế toán đều phải được công bố.

36    Một đơn vị phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ thường xuyên hơn sau tháng một lần cần phải xác định giá trị các khoản thu nhập và chi phí trên một cơ sở lũy kế đến ngày cuối cùng của từng kỳ kế toán giữa niên độ căn cứ vào những thông tin sẵn có tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Số liệu các khoản thu nhập và chi phí được báo cáo trong kỳ kế toán giữa niên độ hiện tại phản ánh mọi thay đổi trong các ước tính kế toán đã được công bố trong những kỳ kế toán giữa niên độ trước đó của năm tài chính. Tuy nhiên, đoạn 16A(d) và đoạn 26 yêu cầu tính chất và giá trị của bất kỳ thay đổi đáng kể nào trong các ước tính kế toán đều phải được công bố.

**Doanh thu có tính thời vụ, chu kỳ hoặc không thường xuyên**

37    Các khoản doanh thu có tính thời vụ, chu kỳ hoặc không thường xuyên nhận được trong một năm tài chính sẽ không được ghi nhận trước hoặc hoãn lại vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ nếu việc ghi nhận trước hoặc hoãn lại đó được coi là không thích hợp vào cuối năm tài chính của đơn vị.

38    Chẳng hạn như doanh thu về cổ tức được chia, tiền bản quyền, và trợ cấp của chính phủ. Ngoài ra, một số đơn vị luôn có doanh thu cao hơn trong một số kỳ kế toán giữa niên độ nhất định của một năm tài chính so với các kỳ kế toán giữa niên độ khác, ví dụ, doanh thu có tính thời vụ của các nhà bán lẻ. Các khoản doanh thu như vậy được ghi nhận khi chúng phát sinh.

**Chi phí phát sinh không thường xuyên trong năm tài chính**

39    Các chi phí phát sinh không thường xuyên trong năm tài chính của đơn vị cần phải được trích trước hoặc hoãn lại cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ khi và chỉ khi việc trích trước hoặc phân bổ cũng phù hợp vào thời điểm cuối năm tài chính.

**Sử dụng các nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị**

40     Phần B về các ví dụ minh họa kèm chuẩn mực này cung cấp các ví dụ về việc áp dụng các nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị chung được quy định từ đoạn 28 đến 39.

**Sử dụng các ước tính**

41    Thủ tục xác định giá trị được thực hiện trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ phải được thiết lập để đảm bảo có được thông tin đáng tin cậy và tất cả những thông tin tài chính trọng yếu và có liên quan để hiểu được tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động của đơn vị được trình bày một cách thích hợp.Việc xác định giá trị trong cả báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ thường được căn cứ trên các ước tính hợp lý, nhưng việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ thông thường phải sử dụng các ước tính nhiều hơn so với báo cáo tài chính năm.

42    Phần C về các ví dụ minh họa đi kèm Chuẩn mực này cung cấp các ví dụ về việc sử dụng các ước tính trong báo cáo giữa niên độ.

**Điều chỉnh báo cáo tài chính giữa niên độ đã được công bố trước đây**

43    Việc thay đổi chính sách kế toán, ngoại trừ việc thay đổi chính sách kế toán do chuẩn mực kế toán mới mới được áp dụng, cần được phản ánh bằng cách:

1. Điều chỉnh lại báo cáo tài chính của các kỳ kế toán giữa niên độ trước của năm tài chính hiện tại và các kỳ kế toán giữa niên độ tương ứng có thể so sánh được của các năm tài chính trước đây sẽ được điều chỉnh lại trong báo cáo tài chính năm theo quy định của IAS 8; hoặc
2. Khi không thể xác định ảnh hưởng lũy kế tại thời điểm bắt đầu năm tài chính là năm áp dụng chính sách kế toán mới cho tất cả các kỳ trước đó, thì thực hiện điều chỉnh báo cáo tài chính của các kỳ giữa niên độ trước của năm tài chính hiện tại, và các kỳ giữa niên độ có thể so sánh được của các năm tài chính trước đây bằng cách áp dụng phi hồi tố từ ngày sớm nhất có thể.

44    Mục tiêu của quy định tại đoạn trước nhằm đảm bảo áp dụng nhất quán chính sách kế toán cho một loại giao dịch cụ thể trong suốt năm tài chính. Theo IAS 8, việc thay đổi chính sách kế toán được áp dụng hồi tố bằng cách điều chỉnh lại các số liệu tài chính của những kỳ kế toán trước đây. Tuy nhiên, nếu không thể điều chỉnh số liệu lũy kế có liên quan đến niên độ kế toán trước thì theo IAS 8, chính sách kế toán mới được áp dụng phi hồi tố kể từ ngày sớm nhất có thể xác định được. Mục đích của nguyên tắc trong Đoạn 43 là yêu cầu mọi thay đổi chính sách kế toán trong niên độ hiện tại cần phải được áp dụng hồi tố hoặc nếu không thực tế thì áp dụng phi hồi tố muộn nhất là ngay từ đầu niên độ đó.

45 Việc cho phép phản ánh những thay đổi chính sách kế toán kể từ một ngày nào đó giữa niên độ có thể dẫn đến việc áp dụng hai chính sách kế toán khác nhau đối với một loại giao dịch trong cùng một năm tài chính. Kết quả sẽ gây ra khó khăn trong việc phân bổ số liệu giữa niên độ, gây khó hiểu kết quả hoạt động, và phức tạp trong việc phân tích và hiểu được các thông tin giữa niên độ được cung cấp.

**Ngày hiệu lực**

46 Chuẩn mực này có hiệu lực đối với báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo tại hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 1999. Việc áp dụng sớm được khuyến khích.

47 IAS 1 (được sửa đổi năm 2007) đã sửa đổi thuật ngữ được sử dụng trong suốt IFRS. Ngoài ra, nó đã sửa đổi các đoạn 4, 5, 8, 11, 12 và 20, xóa đoạn 13 và thêm các đoạn 8 và 11A. Đơn vị báo cáo sẽ áp dụng những sửa đổi đó cho các kỳ kế toán năm bắt đầu tại hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Nếu một đơn vị áp dụng IAS 1 (sửa đổi 2007) cho ký kế toán trước đó, các sửa đổi sẽ được áp dụng cho các kỳ kế toán đó.

48 IFRS 3 (được sửa đổi năm 2008) đã sửa đổi đoạn 16(i). Đơn vị báo cáo sẽ áp dụng sửa đổi cho các kỳ kế toán năm bắt đầu tại hoặc sau ngày 1 tháng 7 năm 2009. Nếu một đơn vị áp dụng IFRS 3 (sửa đổi 2008) cho kỳ kế toán trước đó, sửa đổi cũng sẽ được áp dụng cho các kỳ đó.

49 Các đoạn 15, 27, 35 và 36 đã được sửa đổi, các đoạn 15A, 15C và 16A đã được thêm vào và các đoạn từ 16 đến 18 đã bị xóa bởi *Chương trình cập nhật IFRS hàng năm* vào tháng 5 năm 2010. Đơn vị báo cáo sẽ áp dụng những sửa đổi đó cho các kỳ kế toán năm bắt đầu tại hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Các đơn vị được phép áp dụng trước. Nếu một đơn vị áp dụng các sửa đổi cho một thời kỳ trước đó thì phải công bố thực tế đó.

50 IFRS 3, ban hành năm 2011, thêm đoạn 16A(j). Đơn vị báo cáo sẽ áp dụng sửa đổi đó khi áp dụng IFRS 13.

51 *Trình bày các khoản thu nhập toàn diện khác* (Sửa đổi IAS 1), ban hành vào tháng 6 năm 2011, sửa đổi các đoạn 8, 8, 11A và 20. Đơn vị báo cáo sẽ áp dụng các sửa đổi đó khi áp dụng IAS 1 được sửa đổi vào tháng 6 năm 2011.

52 Cải tiến hàng năm cho giai đoạn 2009 - 2011, ban hành vào tháng 5 năm 2012, đã sửa đổi đoạn 5 như là một sửa đổi hệ quả bắt nguồn từ việc sửa đổi IAS 1 *Trình bày báo cáo tài chính*. Đơn vị báo cáo sẽ áp dụng sửa đổi hồi tố theo IAS 8 *Chính sách kế toán*, *thay đổi ước tính kế toán và sai sót* cho các kỳ kế toán năm bắt đầu tại hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2013 Các đơn vị được phép áp dụng trước. Nếu một đơn vị áp dụng các sửa đổi cho một thời kỳ trước đó thì phải công bố thực tế đó.

53 *Cải tiến hàng năm cho giai đoạn 2009 - 2011*, ban hành vào tháng 5 năm 2012, đã sửa đổi đoạn 16A. Đơn vị báo cáo sẽ áp dụng sửa đổi hồi tố theo IAS 8 *Chính sách kế toán*, *thay đổi ước tính kế toán và sai sót* cho các kỳ kế toán năm bắt đầu tại hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2013. Các đơn vị được phép áp dụng trước. Nếu một đơn vị áp dụng sớm các sửa đổi cho một kỳ kế toán trước đó thì phải công bố thực tế đó.

54 *Các đơn vị quản lý đầu tư* (sửa đổi IFRS 10, IFRS 12 và IAS 27), ban hành vào tháng 10 năm 2012, sửa đổi đoạn 16A. Đơn vị kế toán sẽ áp dụng việc sửa đổi cho các kỳ kế toán năm bắt đầu tại hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2014. Các đơn vị quản lý đầu từ được phép áp dụng trước. Nếu một đơn vị áp dụng sửa đổi đó sớm hơn thì đồng thời nó cũng sẽ áp dụng tất cả các sửa đổi trong các *Các đơn vị quản lý đầu tư*.

55 IFRS 15 *Doanh thu từ hợp đồng với khách hàng,* ban hành vào tháng 5 năm 2014, sửa đổi các đoạn 15B và 16A. Đơn vị báo cáo sẽ áp dụng các sửa đổi đó khi áp dụng IFRS 15.

56 *Cải tiến hàng năm cho giai đoạn 2012 - 2014*, ban hành vào tháng 5 năm 2014, đã sửa đổi đoạn 16A. Đơn vị báo cáo sẽ áp dụng sửa đổi hồi tố theo IAS 8 *Chính sách kế toán*, *thay đổi ước tính kế toán và sai sót* cho các kỳ kế toán năm bắt đầu tại hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016.

57 *Sáng kiến ​​công bố* *thông tin* (sửa đổi IAS 1), ban hành vào tháng 12 năm 2014, đã sửa đổi đoạn 5. Đơn vị kế toán sẽ áp dụng việc sửa đổi cho các kỳ kế toán năm bắt đầu tại hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Các đơn vị được phép áp dụng sớm hơn.

58 Sửa đổi *các tham chiếu đến Khung khái niệm trong các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)*, được ban hành trong 2018, sửa đổi đoạn 31 và 33. Đơn vị kế toán sẽ áp dụng việc sửa đổi cho các kỳ kế toán năm bắt đầu tại oặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2020. Các đơn vị được phép áp dụng sớm hơn nếu đồng thời đơn vị cũng áp dụng tất cả những thay đổi do *Những sửa đổi Khung khái niệm trong các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.* Đơn vị báo cáo sẽ áp dụng sửa đổi hồi tố theo IAS 8 *Chính sách kế toán*, *thay đổi ước tính kế toán và sai sót.* Tuy nhiên, nếu đơn vị xác định rằng việc áp dụng hồi tố sẽ không thể thực hiện được hoặc sẽ tiêu hao chi phí hoặc nỗ lực không đáng có, nó sẽ được áp dụng các sửa đổi IAS 34 bằng cách tham khảo các đoạn 43 - 45 của Chuẩn mực này và các đoạn 23 - 28, 50 - 53 và 54F của IAS 8.

59 *Định nghĩa về trọng yếu* (sửa đổi IAS 1 và IAS 8), ban hành vào tháng 10 năm 2018, sửa đổi đoạn 24. Đơn vị báo cáo sẽ áp dụng những sửa đổi đó phi hồi tố cho các kỳ báo cáo năm tại hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2020. Các đơn vị được phép áp dụng sớm. Nếu một đơn vị áp dụng sớm các sửa đổi cho một kỳ kế toán trước đó thì phải công bố thực tế đó. Đơn vị sẽ áp dụng những sửa đổi đó khi nó áp dụng các sửa đổi cho định nghĩa về trọng yếu trong đoạn 7 của IAS 1 và đoạn 5 và 6 của IAS 8.

1. Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế đã được kế vị bởi Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế, bắt đầu hoạt động năm 2001 [↑](#footnote-ref-2)
2. Đoạn này được bổ sung bởi *Chương trình cập nhật IFRS hàng năm* ban hành vào tháng 5 năm 2008 để làm rõ phạm vi áp dụng của IAS 34. [↑](#footnote-ref-3)